

Số: 50/KH-THCSAH

Tam Nông, ngày 15 tháng 6 năm 2022

KẾ HOẠCH
Thực hiện quy chế công khai trong nhà trường
Năm học 2022-2023

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT, ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục;

Căn cứ công văn số 1237/PGDĐT-HCTC, ngày 15/10/2018 của Phòng GD&ĐT Tam Nông về việc triển khai thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2018 – 2019;

Trường THCS An Hòa xây dựng Kế hoạch thực hiện quy chế công khai trong nhà trường năm học 2022-2023 như sau:

I. Mục tiêu thực hiện công khai

Nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy tính dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và nâng cao hiệu quả giáo dục.

Quản lý tốt việc thu, chi cũng như việc sử dụng nguồn ngân sách nhà nước cấp, các nguồn đóng góp tự nguyện từ phụ huynh học sinh đảm bảo khách quan, chống các biểu hiện tiêu cực trong đơn vị, từ đó xây dựng một tập thể dân chủ, đoàn kết.

Thúc đẩy cán bộ giáo viên nhà trường phấn đấu vươn lên trong công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm học.

Công khai các hoạt động của nhà trường trước cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh và quần chúng nhân dân trên địa bàn.

Tổ chức thực hiện tốt các nội dung công khai cơ bản và quy chế dân chủ ở cơ sở để xây dựng mối đoàn kết trong nội bộ trong trường học.

Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

II. Nội dung thực hiện công khai

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế.

Điều kiện tuyển sinh vào lớp đầu cấp của nhà trường, thực hiện chương trình giáo dục, công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình học sinh, những yêu cầu về thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường, tình hình đội ngũ CBGV, NV và phương pháp quản lý của nhà trường; chỉ tiêu về học lực, hạnh kiểm, chỉ tiêu chất lượng mũi nhọn,...

Công khai về chất lượng giáo dục: Kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm của học sinh cuối kỳ, cuối năm học theo từng khối lớp; số học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp huyện, tỉnh; tỉ lệ huy động số học sinh TN tiểu học vào lớp 6, số học sinh đủ điều kiện dự xét tốt nghiệp THCS, số học sinh được công nhận tốt nghiệp THCS, tỉ lệ học sinh được tuyển vào THPT.

Công khai kết quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường: Kế hoạch tổ chức kiểm định, báo cáo tự đánh giá, đánh giá ngoài, giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục.

Kế hoạch rà soát cơ sở vật chất xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được.

Công khai kết quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường: Kế hoạch tổ chức kiểm định, báo cáo tự đánh giá, đánh giá ngoài, giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục: Cơ sở vật chất; Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên.

a) Cơ sở vật chất:

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng phục vụ học tập, sân chơi, bãi tập; số thiết bị dạy học đang sử dụng; số lượng máy vi tính; khu nhà vệ sinh; nguồn nước sinh hoạt; nguồn điện sáng, tường rào bảo vệ...

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo,...

3. Công khai thu chi tài chính

Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học.

Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài.

Công khai kết quả thực hiện chính sách về trợ cấp hàng năm và miễn, giảm học phí cho học sinh thuộc các đối tượng chính sách xã hội.

+ Tình hình tài chính của đơn vị;

+ Học phí và các khoản thu khác từ người học;

- + Các khoản chi theo từng năm học;
- + Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội;
- + Kết quả kiểm toán (nếu có): thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại các văn bản quy định hiện hành.

III. Hình thức và thời điểm công khai

a) Hình thức công khai

Thực hiện công khai trên Cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai trên bảng tin của đơn vị vào tháng 6 hằng năm và cập nhật đầu năm học (tháng 9) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

Công khai trên website của nhà trường

Niêm yết công khai tại bảng tin của nhà trường.

Công khai trong các kỳ họp, hội nghị Ban đại diện CMHS

b) Thời điểm công khai

Công khai định kỳ hằng tháng, hằng kỳ, hằng năm, khi kết thúc năm học, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Hiệu trưởng:

- Triển khai kế hoạch công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT, ngày 17/10 /2018 của Bộ GD&ĐT đến tập thể CB, GV, NV và phụ huynh học sinh.

- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường, của các cấp.

- Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

+ Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem.

+ Đưa lên website của nhà trường.

2. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Huỳnh Thanh Hoàng	Hiệu trưởng	Trưởng ban

2	Ông Đặng Hữu Tú	Phó hiệu trưởng	Phó ban
3	Bà Trần Thị Thanh Thùy	Chủ tịch Công đoàn	Thành viên

Trên đây là Kế hoạch thực hiện quy chế công khai về chất lượng giáo dục, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính năm học 2022-2023 của trường THCS An Hòa./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-ĐT (b/c);
- HĐSP trường;
- Lưu VT,KT.



HIỆU TRƯỞNG

Huỳnh Thanh Hoàng

Biểu mẫu 9

UBND HUYỆN TAM NÔNG
TRƯỜNG THCS AN HOÀ

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông,
năm học: 2022-2023**

STT	Nội dung	Chia ra theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Hoàn thành chương trình Tiểu học	HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định	HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định	HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định
		Xét tuyển theo văn bản hướng dẫn của PGD, SGD	Hồ sơ chuyển trường đúng theo quy định	Hồ sơ chuyển trường đúng theo quy định	Hồ sơ chuyển trường đúng theo quy định
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Trên cơ sở khung phân phối chương trình của BGDDT,			
		Trường xây dựng PPCT chi tiết theo văn bản hướng dẫn của ngành			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Nhà trường xây dựng quy chế phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình trong việc quản lý, giáo dục đạo đức học sinh.			
		Duy trì thường xuyên thông tin hai chiều giữa nhà trường với gia đình. Hoạt động BDD CMHS đúng quy định			
		Học sinh có nhận thức và thái độ học tập đúng đắn, chấp hành và thực hiện tốt nội quy, quy định của nhà trường			
		Tích cực trong học tập và các hoạt động giáo dục khác để phát triển toàn diện về mọi mặt.			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Tham gia các hoạt động Đoàn, Đội tổ chức tạo điều kiện cho học sinh tham gia các hoạt động giáo dục NGLL nhằm giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống,			
		Tổ chức các hoạt động ngoại khóa các ngày lễ lớn trong năm (20/11; 22/12; 26/3,...)			
		Xây dựng trường học thân thiện, xanh sạch đẹp tạo mọi điều kiện tốt nhất cho học sinh học tập và vui chơi, giải trí			
		Tham gia các phong trào TDTT nhằm rèn luyện sức khỏe, nâng cao hiệu quả học tập			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	*Năng lực: đạt trên 98% lên lớp. Tốt nghiệp THCS đạt 100%. Chất lượng tuyển sinh lớp 10 có tiến triển tốt trên 85%			
		*Đạo đức: 99% học sinh đạt hạnh kiểm khá tốt			
		*Học lực: 98% hs XL học lực từ TB trở lên			
		*Sức khỏe: Chăm sóc sức khỏe cho học sinh hàng ngày. Tuyên truyền phòng chống các loại dịch bệnh theo mùa. Thực hiện công tác phối hợp tuyên truyền chăm sóc SKSSVTN			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Tỉ lệ lên lớp trên 98%			
		Tỉ lệ học sinh bỏ học không quá 1%			
		Tỉ lệ TN THCS 100%			

Tam Nông, ngày 15 tháng 6 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
AN HOÀ
Huỳnh Thanh Hoàng

Biểu mẫu 10

UBND HUYỆN TAM NÔNG
TRƯỜNG THCS AN HOÀ

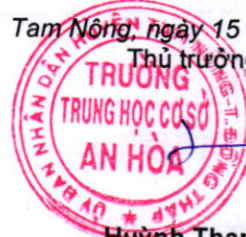
THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của Trung học cơ sở An Hòa
năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	13	4	3	3	3
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	96.48%	92.04%	99.19%	95.76%	99.00%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	3.52%	7.96%	0.81%	4.24%	1.00%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực					
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	25.99%	15.93%	23.58%	33.05%	32.00%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	39.87%	33.63%	39.84%	42.37%	44.00%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	33.70%	49.56%	56.77%	24.58%	24.00%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0.22%	0.88%	0.00%	0.00%	0.00%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0.22%	0.00%	0.81%	0.00%	0.00%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	99.55%	99.11%	99.70%	100%	100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	25.99%	15.93%	23.58%	33.05%	32.00%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	39.87%	33.63%	39.84%	42.37%	44.00%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	2.91%	4.44%	4.51%	0.89%	0.99%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0.44%	0.88%	0.29%	0.00%	0.00%

4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	4/13	1/10	0/2	3/0	0/1
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0				
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0.8%	1.4%	0.8%	1.0%	0.0%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	26				26
2	Cấp tỉnh/thành phố	4				4
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	100				100
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	100				100
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	32.00%				32.00%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	44.00%				44.00%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	24.00%				24.00%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	454/236	113/60	123/58	118/69	100/49
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số					

Tam Nông, ngày 15 tháng 6 năm 2022
Thủ trưởng đơn vị



Huỳnh Thanh Hoàng

Biểu mẫu 11

UBND HUYỆN TAM NÔNG
TRƯỜNG THCS AN HOÀ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường Trung học cơ sở An Hòa,
năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	10	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	10	2.27m ²
2	Phòng học bán kiên cố		2.27m ²
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn		
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		
7	Bình quân lớp/phòng học	2	-
8	Bình quân học sinh/lớp	42	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	4275	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	3462	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	493	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	139	
3	Diện tích thư viện (m ²)	0	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	48	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6		
1.2	Khối lớp 7	245	81
1.3	Khối lớp 8	280	93
1.4	Khối lớp 9	502	167
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6		
2.2	Khối lớp 7	844	
2.3	Khối lớp 8	752	
2.4	Khối lớp 9	775	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	18	Số học sinh/bộ

IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	7	
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	
5	Thiết bị khác...		

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	7	
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*		x	x	x	x
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Tam Nông, ngày 15 tháng 6 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Huỳnh Thanh Hoàng

Biểu mẫu 12

UBND HUYỆN TAM NÔNG
TRƯỜNG THCS AN HOÀ

THÔNG BÁO

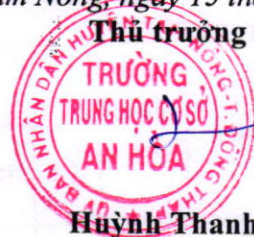
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của Trường Trung học cơ sở An Hòa,
năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	T C	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Trung bình	Chưa đạt
	TS giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	28	0	1	24	1	1	1	8	15	0	9	13	0	0
I	Giáo viên														
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	20	0	2	21	2	0	0	8	13	0	7	13	0	0
1	Toán	3		1	2				1	2		2	1		
2	Lý	2			2					2		2			
3	Hóa	1			1					1		1			
4	Sinh	2			2				2				2		
5	Văn	3			3				1	2			3		
6	Sử	1			1				1				1		
7	Địa	1			3					1		1			
8	GDCD	0													
9	Tiếng Anh	1			1					1		1			
10	Nhạc	1			1					1			1		
11	Họa	1			1					1			1		
12	Thể dục	2			2				1	1			2		
13	Tin học	1			1				1				1		
13	KTNN	1			1				1				1		
II	Cán bộ quản lý	2	0	0	2	0	0	0	0	2	0	2			
1	Hiệu trưởng	1			1					1		1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1					1		1			
III	Nhân viên	5	0	0	2	1	1	1	0		0	0	0	0	0
1	Nhân viên văn thư	1			1										
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Bảo vệ	1						1							

4	Nhân viên y tế	1					1						
5	Nhân viên thư viện	1				1							

Tam Nông, ngày 15 tháng 6 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



(Handwritten signature in blue ink)

Huỳnh Thanh Hoàng